

Số: ~~388~~ VBCB-TTYT

Thạch Hà, ngày 15 tháng 4 năm 2025.

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là
cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế Hà Tĩnh.

Tên cơ sở công bố: Trung tâm Y tế huyện Thạch Hà
Số giấy phép hoạt động 044/HT-GPHĐ. Cơ quan cấp: Sở Y tế Hà Tĩnh.
Ngày 22 tháng 4 năm 2024.

Địa chỉ: Tổ 9, thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Nguyễn Thế Phiệt

Điện thoại liên hệ: 02393.845.594

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: (Danh mục mẫu kèm theo – Phụ lục 1).
2. Trình độ đào tạo thực hành: (Danh mục mẫu kèm theo – Phụ lục 1)
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): (Danh mục mẫu kèm theo – Phụ lục 1)
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (Danh mục mẫu kèm theo – Phụ lục 2);
5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng (Danh mục mẫu kèm theo – Phụ lục 2);
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (Danh mục mẫu kèm theo – Phụ lục 3).

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Phiệt

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
(Kèm theo Bản công bố số ~~88~~ /BCB-TTYY ngày ~~15~~ /4 /2025 của Trung tâm Y tế huyện Thạch Hà)

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu ở Khoa/đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo người giảng dạy	Số giường/ghế khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học thực hành tối đa theo giường/ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1		Cao đẳng, Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa	Dạy học TH	Khoa Nội Tổng hợp	1	36	50	36		
2		Cao đẳng, Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa	Dạy học TH	Khoa Ngoại tổng hợp	1	36	40	36		
3		Cao đẳng, Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và GE	Dạy học TH	Khoa Sản	1	32	32	32		
4		Cao đẳng, Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa Cấp cứu- Nhi	1	36	40	36		
5		Cao đẳng, Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc SK người bệnh Truyền nhiễm	Dạy học TH	Khoa Truyền nhiễm	1	26	26	26		
6		Cao đẳng, Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người bệnh chuyên khoa	Dạy học TH	Khoa 3CK	1	35	35	35		

7	Cao đẳng, Cử nhân	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe chuyên khoa YHCT- PHCN	Dạy học TH	Khoa YHCT- PHCN	1	36	55	36		
8	Cao đẳng, Cử nhân	Hộ sinh	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học TH	Khoa Nội	1	36	50	36		
9	Cao đẳng, Cử nhân	Hộ sinh	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học TH	Khoa Ngoại	1	36	40	36		
10	Cao đẳng, Cử nhân	Hộ sinh	Chăm sóc bệnh nhân sản phụ khoa	Dạy học TH	Khoa Sản	1	32	32	32		
11	Cao đẳng, Cử nhân	Hộ sinh	Chăm sóc trẻ em	Dạy học TH	Khoa Cấp cứu - Nhi	1	36	40	36		
12	Cao đẳng, Cử nhân	KTV xét nghiệm	Các kỹ thuật xét nghiệm	Dạy học TH	Khoa Xét nghiệm	1	10				
13	Trung cấp, Đại học	Y sĩ, Bác sĩ	Sức khỏe sinh sản	Dạy học TH	Khoa Sản	2	32	32	32		
14	Trung cấp, Đại học	Y sĩ, Bác sĩ	Bệnh học nhi khoa	Dạy học TH	Khoa Cấp cứu- Nhi	2	36	40	36		
15	Trung cấp, Đại học	Y sĩ, Bác sĩ	Bệnh học truyền nhiễm	Dạy học TH	Khoa Truyền nhiễm	1	26	26	26		



16	Trung cấp, Đại học	Y sĩ, Bác sỹ	Bệnh học nội khoa	Dạy học TH	Khoa Nội	2	50	50	50	
17	Trung cấp, Đại học	Y sĩ, Bác sỹ	Bệnh học ngoại khoa	Dạy học TH	Khoa Ngoại	1	36	40	36	
18	Trung cấp, Đại học	Y sĩ, Bác sỹ	Bệnh học YHCT	Dạy học TH	Khoa YHCT	2	55	55		

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**
(Kèm theo Bản công bố số 4/VBCB-TTYYT ngày 10 /2025 của Trung tâm Y tế huyện Thạch Hà)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ phân/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1.	Dương Thị Liên	CN Điều dưỡng	CN Điều dưỡng	0002091/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng trung cấp	Trên 20 năm	Chăm sóc sức khỏe người lớn Nội khoa	Dạy học TH	Khoa Nội	36
2.	Hà Thị Giang	CN Điều dưỡng	CN Điều dưỡng	0002052/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng trung học	Trên 15 năm	Chăm sóc sức khỏe người lớn Ngoại khoa	Dạy học TH	Khoa Ngoại	36
3.	Võ Thị Lài	CN Điều dưỡng	CN Điều dưỡng	0006090/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	Trên 20 năm	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, phụ nữ và GD	Dạy học TH	Khoa Sản	32
4.	Võ Thị Nga	CN Điều dưỡng	CN Điều dưỡng	0001885/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng trung cấp	Trên 20 năm	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa Cấp cứu - Nhi	36

5.	Phan Thị Thủy Hằng	CN Điều dưỡng	CN Điều dưỡng	0002056/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng trung cấp	Trên 20 năm	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	Dạy học TH	Khoa Truyền fhiicemx	26
6.	Trần Thị Thương	CN Điều dưỡng	CN Điều dưỡng	0002043/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng trung cấp	Trên 20 năm	Chăm sóc sức khỏe 3CK	Dạy học TH	Khoa Liên CK	35
7.	Nguyễn Thị Thái Phương	KTV Phục hồi chức năng	KTV Phục hồi chức năng	0002498/HT-CCHN	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu- Phục hồi chức năng	Trên 20 năm	Chăm sóc sức khỏe YHCT- phục hồi chức năng	Dạy học TH	Khoa YHCT- PHCN	36
8.	Dương Thị Thúy Dung	KTV đại học	KTV đại học	0001886/HT-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm cao đẳng	Trên 20 năm	Thực hành tốt nghiệp	Dạy học TH	Khoa Xét nghiệm	20
9.	Dương Văn Hòa	KTV đại học	KTV đại học	0002095/HT-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm đại học	Trên 20 năm	Thực hành tốt nghiệp	Dạy học TH	Khoa Xét nghiệm	20
10.	Nguyễn Thế Phiệt	BSCKII	BS CKII Nội Khoa	0001895/HT-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa nội; Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Siêu âm ổ bụng	Trên 20 năm	Bệnh học nội khoa, cấp cứu	Dạy học TH	Khoa Cấp cứu – Nhi	36
11.	Nguyễn Lương Phú	BSCKI	BSCKI- Sản khoa	0002092/HT-CCHN	Khám, chữa bệnh chuyên khoa sản	Trên 20 năm	Bệnh học sản khoa	Dạy học TH	Khoa Sản	32

12.	Phan Công Tỷ	BSCKI	BSCKI- Gây mê hồi sức	0002085/HT- CCHN	Khám, chữa bệnh đa khoa; Khám, chữa bệnh chuyên khoa gây mê hồi sức	Trên 20 năm	Thực hành tốt nghề nghiệp	Day học TH	Khoa GMHS	36
13.	Nguyễn Minh Hào	BSCKI	BSCKI- Nội khoa	000021/HT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; khám chữa bệnh chuyên khoa răng hàm mặt	Trên 20 năm	Thực hành tốt nghề nghiệp	Day học TH	Khoa Khám bệnh	36
14.	Nguyễn Hữu Thạch	BS CKI	BS CKI Hồi sức cấp cứu	000268/HT- CCHN	Khám, chữa bệnh đa khoa	Trên 20 năm	Thực hành tốt nghề nghiệp	Day học TH	Khoa Cấp cứu - Nhi	36
15.	Đinh Tiến Sỹ	BSCKI	BSCKI- Nhi	0004068/HT- CCHN	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Nhi, khám chữa bệnh đa khoa	Trên 20 năm	Thực hành tốt nghề nghiệp	Day học TH	Khoa Cấp cứu- Nhi	36
16.	Trần Hữu Ngọc	BSCKII	BSCKII- Ngoại khoa	0002086/HT- CCHN	Khám, chữa bệnh chuyên khoa ngoại; khám chữa bệnh đa khoa	Trên 20 năm	Thực hành tốt nghề nghiệp	Day học TH	Khoa Ngoại	36
17.	Hồ Sỹ Cường	BSCKI	BSCKI- Y học cổ truyền	0002055/HT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền	Trên 20 năm	Thực hành tốt nghề nghiệp	Day học TH	Khoa HYCT- PHCN	36
18.	Hoàng Thanh Bảo	BSCKI	BSCKI- Nội khoa	0001896/HT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, khám chữa bệnh chuyên khoa nội	Trên 20 năm	Thực hành tốt nghề nghiệp	Day học TH	Khoa Nội	36
19.	Nguyễn Anh Quỳnh	BSCKI	BSCKI- Răng hàm mặt	000032/HT- CCHN	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt	Trên 20 năm	Thực hành tốt nghề nghiệp	Day học TH	Khoa Liên CK	35

20.	Trương Nhật Tâm	BSCKI	BSCKI- Truyền nhiễm	0002231/HT- CCHN	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm, khám chữa bệnh đa khoa	Trên 20 năm	Thực hành tốt nghịệp	Dạy học TH	Khoa Truyền nhiễm	36
21.	Đặng Quốc Chiến	BSCKI	BSCKI- Gây mê hồi sức	0001880/HT- CCHN	Khám, chữa bệnh đa khoa;Khám, chữa bệnh chuyên khoa gây mê hồi sức	Trên 20 năm	Thực hành tốt nghịệp	Dạy học TH	Khoa Cấp cứu	36
22.	Trần Thanh Hải	BSCKI	BSCKI- Sân khoa	0002046/HT- CCHN	Khám, chữa bệnh đa khoa;Khám, chữa bệnh Sản, Phụ khoa, khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại	Trên 20 năm	Thực hành tốt nghịệp	Dạy học TH	Khoa Sản	32
23.	Hoàng Văn Sinh	BSCKI	BSCKI- Nội khoa	0004255/HT- CCHN	Bác sĩ Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa nội	Trên 20 năm	Thực hành tốt nghịệp	Dạy học TH	Khoa Nội	36
24.	Dương Đức Anh	BSCKI	BSCKI- Y học cổ truyền	0004272/HT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền;Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng	Trên 20 năm	Thực hành tốt nghịệp	Dạy học TH	Khoa YHCT	36

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Kèm theo Bản công bố số 15/VBCB-TTYT ngày 15 / 4/2025 của Trung tâm Y tế huyện Thạch Hà)

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1.	Bàn nắn kéo xương	1	
2.	Máy X-Quang	1	
3.	Bộ khám răng	1	
4.	Máy nội soi dạ dày	1	
5.	Lồng áp trẻ sơ sinh	2	
6.	Giường cấp cứu	10	
7.	Máy xét nghiệm huyết học	2	
8.	Máy xét nghiệm hóa sinh	2	
9.	Máy xét nghiệm hóa sinh nước tiểu	2	
10.	Monitor theo dõi bệnh nhân	10	
11.	Máy truyền dịch	10	
12.	Bơm tiêm điện	5	
13.	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng	1	
14.	Máy siêu âm điều trị	2	
15.	Máy trị liệu nhiệt sóng ngắn	1	
16.	Máy điện xung giác hút	2	
17.	Máy điều trị sóng xung kích	2	
18.	Khung quay tập khớp vai cho người khuyết tật vận động	1	
19.	Hệ thống kéo dẫn cổ, cột sống kỹ thuật số	1	

20.	Máy hút dịch 01 bình	1	
21.	Ghế răng nha khoa	2	
22.	Máy Lấy cao răng	1	
23.	Hệ thống Oxy trung tâm, khí nén và chân không	1	
24.	Máy xét nghiệm miễn dịch	1	
25.	Máy xét nghiệm điện giải 3 thông số NA,K,CL	1	
26.	Monitor sản khoa	2	
27.	Giường điện đa chức năng	5	
28.	Máy CPAP không xâm nhập	2	
29.	Máy điện tim	5	
30.	Máy điện tim	1	
31.	Kính hiển vi 2 mắt đèn Led	1	
32.	Kính hiển vi quang học CH	2	
33.	Máy ly tâm	1	
34.	Máy hút dịch 02 bình	2	
35.	Bàn đé	3	
36.	Bồn massage chân	10	
37.	Máy khí dung	1	
38.	Máy siêu âm màu 4D	1	
39.	Máy đo loãng xương siêu âm	1	
40.	Máy đo chức năng hô hấp	4	
41.	Máy thở	1	
42.	Máy xét nghiệm đông máu bán tự động	1	
43.	Máy chụp X-Quang răng	1	
43.	Hệ thống Xquang kỹ thuật số 2 tấm nhận, 630mA	1	

44.	Máy siêu âm Doppler màu H60	1	
45.	Máy tháo lồng ruột	1	
46.	Máy đo huyết áp tự động	10	
47.	Máy rửa dạ dày	1	
48.	Máy siêu âm	3	
49.	Máy điện tim	5	
50.	Máy xét nghiệm HbA1c bán tự động	1	
51.	Máy điện châm	20	
(Gồm 51 danh mục)			